

CTCP Hoàng Anh Gia Lai (HSX: HAG)

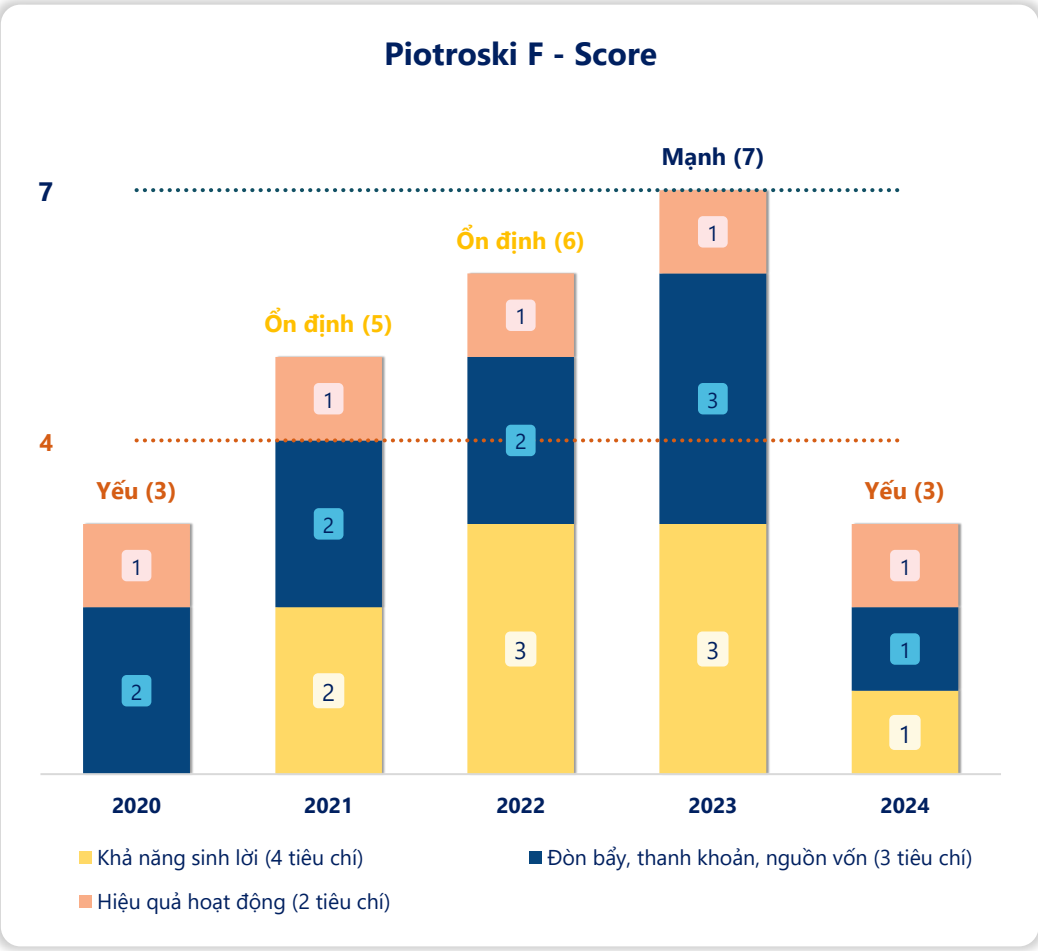
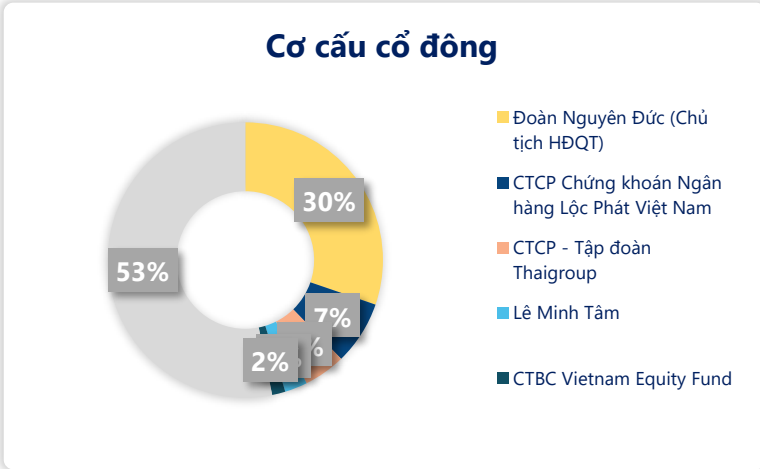
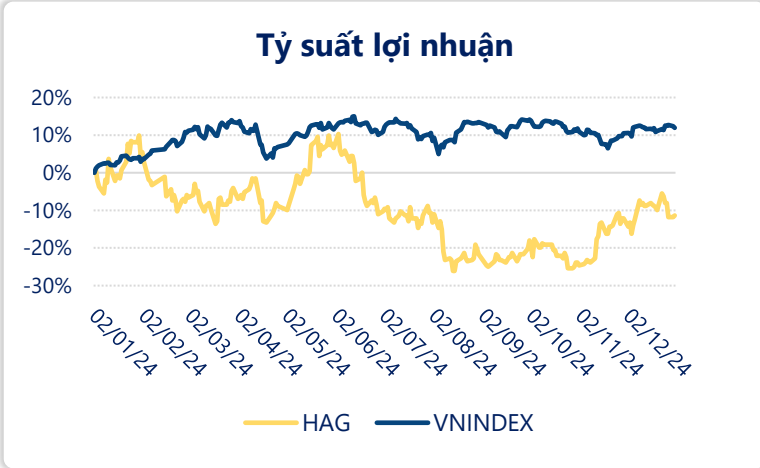
Bảng điểm Piotroski F-Score đánh giá sức khỏe tài chính của doanh nghiệp về tỷ suất lợi nhuận, cơ cấu vốn, tính thanh khoản và hiệu quả hoạt động. Thành phần của Piotroski F-Score gồm 9 chỉ tiêu tài chính, tương ứng với thang điểm từ 0 đến 9.

Ngày	12,050 VNĐ		
31/12/2024			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	5.7%	10.6%	2.1%

Sức mạnh tài chính	2024
Piotroski F - Score	3/9
	(Yếu)

DT thuần	2024
	5,694
	tỷ VNĐ
	YoY ▼ 748 ▼ 11.6%

LN sau thuế	2024
	1,057
	tỷ VNĐ
	YoY ▼ 725 ▼ 40.7%

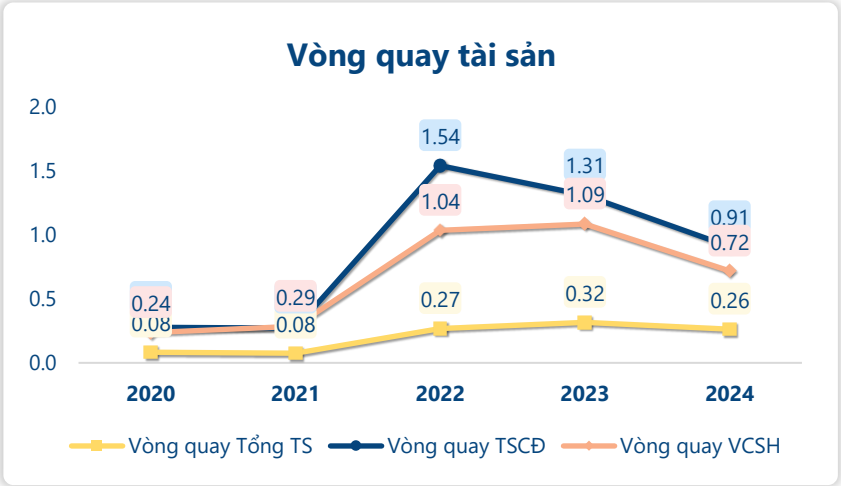
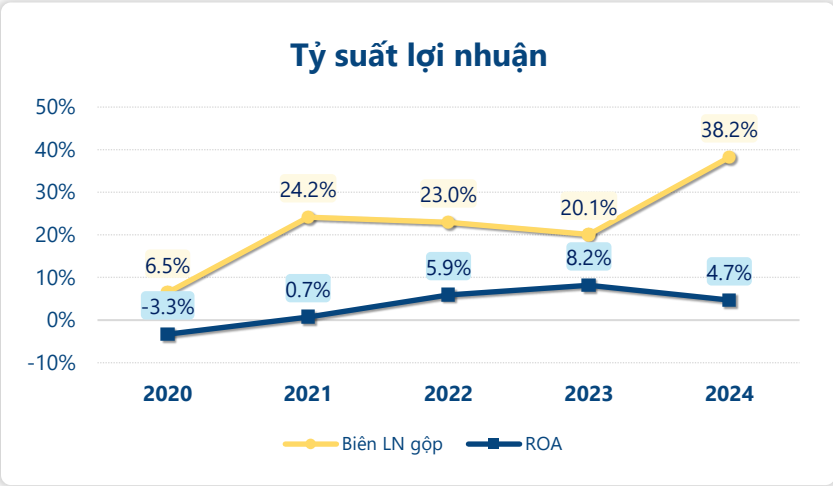
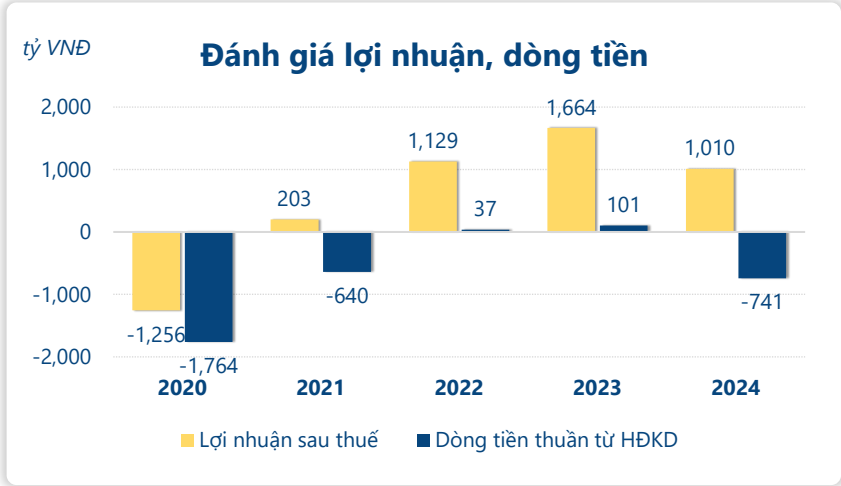


Năm 2024, F-Score của **HAG** đạt **3/9** thấp hơn năm trước cho thấy dấu hiệu báo động về sức khỏe tài chính đang giảm xuống mức "**yếu**".

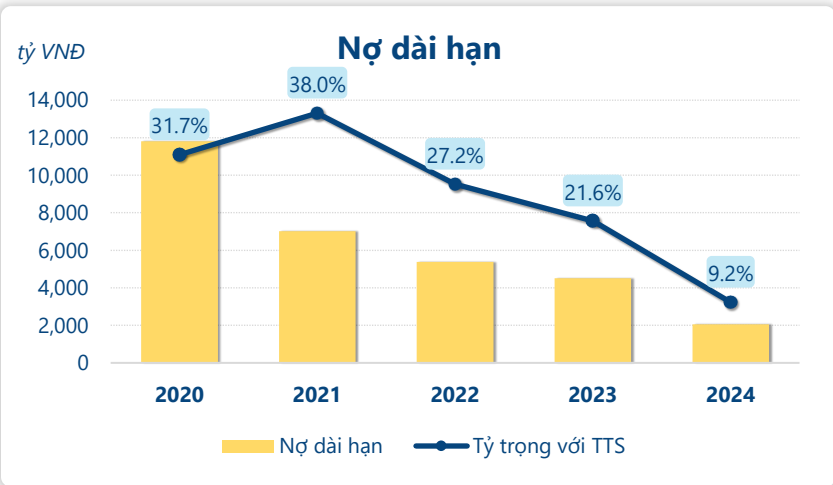
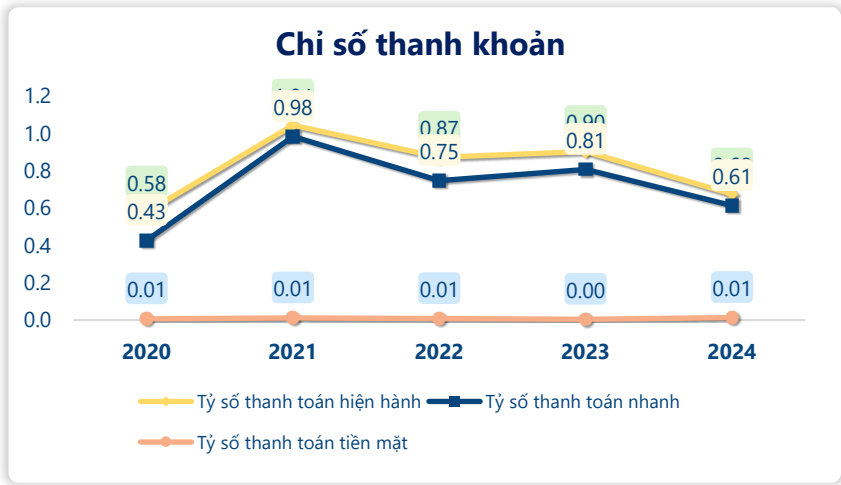
Trong đó, khả năng sinh lời **giảm** xuống còn **1/4** điểm, các tiêu chí về: đòn bẩy, thanh khoản, nguồn vốn **kém hơn** năm trước đạt **1/3**. Và tiêu chí về hiệu quả hoạt động, đạt điểm **1/2** ở mức ổn định so với năm trước.

F-Score ở mức yếu là một tín hiệu xấu cho thấy sự đáng lo ngại về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của công ty. Phản ánh tình trạng không ổn định và rủi ro tài chính cao.

CTCP Hoàng Anh Gia Lai (HSX: HAG)



Xét các tiêu chí thành phần của **F-Score** năm **2024** của **HAG**: Lợi nhuận sau thuế dương là một tín hiệu tích cực, tuy nhiên dòng tiền thuần từ hoạt động kinh doanh âm có thể cho thấy công ty đang gặp khó khăn trong việc sinh lời từ hoạt động kinh doanh cốt lõi của mình. Công ty đang gặp khó khăn trong việc tạo ra lợi nhuận từ mỗi đơn vị tài sản khi ROA giảm so với năm trước. Việc giảm tỷ lệ nợ dài hạn so với tổng tài sản thường phản ánh việc doanh nghiệp giảm bớt mức độ phụ thuộc vào nguồn vốn vay dài hạn. Sự suy giảm của tỷ số thanh toán hiện hành có thể gây lo ngại về khả năng thanh toán các nghĩa vụ nợ ngắn hạn, tuy nhiên cũng cần phân tích kỹ hơn để hiểu rõ nguyên nhân của sự suy giảm này. Công ty phát hành cổ phiếu trong kỳ có thể dẫn đến EPS bị pha loãng, làm giảm giá trị cổ phiếu và giảm sự hấp dẫn của công ty đối với các nhà đầu tư.



CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	22,353	20,903	6.9%
Tài sản ngắn hạn	7,495	8,769	-14.5%
Tiền và tương đương tiền	150	41.8	258%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	6,595	7,780	-15.2%
Hàng tồn kho	696	929	-25.1%
Tài sản ngắn hạn khác	54.3	17.8	205%
Tài sản dài hạn	14,858	12,135	22.4%
Phải thu dài hạn	2,304	495	365%
Tài sản cố định	6,546	5,998	9.1%
Bất động sản đầu tư	34.3	36.2	-5.2%
Tài sản dở dang	5,010	4,825	3.8%
Đầu tư tài chính dài hạn	557	492	13.3%
Tài sản dài hạn khác	407	289	41.0%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	13,158	14,226	-7.5%
Nợ ngắn hạn	11,096	9,710	14.3%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	5,748	4,529	26.9%
Phải trả người bán ngắn hạn	968	1,123	-13.8%
Nợ dài hạn	2,062	4,515	-54.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	1,254	3,340	-62.5%
Nguồn vốn chủ sở hữu	9,195	6,677	37.7%
Vốn chủ sở hữu	9,195	6,677	37.7%
Vốn điều lệ	10,575	9,275	14.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	2020	2021	2022	2023	2024
Doanh thu thuần	3,177	2,097	5,111	6,442	5,694
Giá vốn hàng bán	2,971	1,590	3,937	5,149	3,517
Lợi nhuận gộp	206	507	1,173	1,293	2,177
Doanh thu HĐTC	1,287	735	486	603	281
Chi phí TC	1,318	1,090	1,649	-215	700
Chi phí lãi vay	1,254	972	793	-271	731
LN trong công ty LKLD	8.77	-5.82	0	-11.1	0
Chi phí bán hàng	355	129	252	255	396
Chi phí QLDN	1,851	-174	-1,350	155	161
LN thuần từ HĐKD	-2,022	191	1,108	1,690	1,200
Lợi nhuận khác	-329	-322	-80.1	102	-181
LN trước thuế	-2,351	-131	1,028	1,793	1,019
Lợi nhuận sau thuế	-2,383	128	1,125	1,782	1,057
LNST của CĐ cty mẹ	-1,256	203	1,129	1,664	1,010

LƯU CHUYỂN TIỀN 1 (tỷ VNĐ)	2020	2021	2022	2023	2024
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-1,764	-640	37.3	101	-741
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-1,468	1,289	250	49.8	466
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	3,074	-667	-293	-181	382
Tiền đầu kỳ	254	97.2	78.3	72.4	41.8
Lưu chuyển tiền thuần	-157	-18.9	-5.93	-30.6	108
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	97.2	78.3	72.4	41.8	150